TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 /05 /2018
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Văn Xuyến
- ***Các Hội thẩm nhân dân*:** Nguyễn Quang Liêu, Nguyễn Mạnh Dũng
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 44/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/ TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm T K H ; Sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ : Thôn 7, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: Trần V X ; Sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm T K H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần V X tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước ngày 08/09/ 2014. Quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hòa hợp với nhau, mỗi người có tính cách sống khác nhau, anh Trần V X không chăm lo quan tâm gia đình, đã sống ly thân từ tháng 03/2016 cho đến nay, Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên Trần B Đ U , sinh ngày 31/08/2015, nguyện vọng sau ly hôn được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần V X mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:
1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: chị Phạm T K H có đăng ký kết hôn với anh Trần V X , nay chị H xin ly hôn với anh Trần V X , vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Phạm T K H và anh Trần V X tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Trần V X và chị Hồng là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Trần V X và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân, anh Trần V X Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phạm T K H được ly hôn với anh Trần V X.
4/ Về con chung: Có 01 người con chung, tên Trần B Đ U , sinh ngày 31/08/2015, do chị H đang chăm sóc nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Trần B Đ U cho chị Phạm T K H chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.
Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.
5/ Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
6/ Về án phí : chị Phạm T K H nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Phạm T K H được ly hôn với Trần V X .

Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 08/09/2014 do UBND xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung : Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên giao cháu Trần B Đ U, sinh ngày 31/08/2015 cho chị Phạm T K H chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3/ Về tài sản và nợ chung : Không có không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: chị Phạm T K H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021781 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong)

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.B Đ;
- Chi cục THADS H. B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.